

Về tục thờ cá Ông tại Việt Nam

NGUYỄN THANH LỢI

1. Nguồn gốc tục thờ cá Ông

Tục thờ cá voi/cá ông là một tín ngưỡng dân gian khá đặc thù của cư dân ven biển nước ta, từ Thanh Hoá vào đến tận Kiên Giang. Dọc theo bờ biển, hầu hết các làng chài đều có các lăng miếu thờ cá ông với những nghi thức cúng tế hết sức trang trọng. Người dân vẫn xem cá voi/cá Ông là con vật thiêng phù trợ cho họ trong đời sống hàng ngày với niềm xác tín mạnh mẽ.

Trong dân gian, cá voi thường được gọi bằng các tên khác nhau một cách cung kính như: ông Nam Hải, ông Chuông, ông Khơi, ông Lớn, ông Cậu Theo Léopol Cadière thì: "Trong tự điển hầu như không có từ cá voi, người ta thường gọi là cá ông, con cái thì gọi là bà ngư⁽¹⁾. Đó chính là thái độ trọng vọng của ngư dân đối với cá voi khi sống cũng như khi chết, bắt nguồn từ quan niệm rằng loài cá này là một vị thần độ mạng. Trong tâm thức của cư dân chài lưới, những người thường lên đênh giữa biển khơi, lắm khi sóng to gió lớn, đắm thuyền, mất lưới, mạng sống con người bị đe dọa, hình ảnh cá ông độ

mạng trở thành chỗ dựa tinh thần quý giá, là nơi gửi gắm niềm tin. Niềm tin này, ban đầu là một nhu cầu giúp người ta chịu đựng gian khổ hiểm nguy trong cuộc mưu sinh, dần dần dấu vết của niềm tin hằn sâu vào tiềm thức, trở thành tín ngưỡng dân gian.

Theo truyền thuyết của dân chài, thì tục thờ cá ông bắt nguồn từ chuyện một chàng sĩ tử bị thầy đồ rút gươm chém đầu và hoá thành cá voi, suốt bốn mùa bơi trên biển để cứu người bị nạn. Đặc biệt, có nơi miếu thờ cá Ông bắt đầu từ một thai ngư bị sẩy theo nước đắm dạt vào đồng làng⁽²⁾.

Còn sự tích nhà Phật thì kể rằng: Một hôm Phật Bà Quan Âm tuần du trên biển Đông, thấy dân lành đói khổ, thường xuyên phải ra biển kiếm ăn trong điều kiện mưa gió bão bùng, tính mạng lúc bị đe dọa Động lòng thương, Phật Bà đã xé vụn chiếc áo cà sa của mình, quăng xuống biển, biến thành vô vàn con cá voi. Cùng với bộ xương voi và phép thấu đường (phép rút ngắn đường đi) đã được Phật Bà ban cho, cá voi làm nhiệm vụ cứu người giữa bão tố. Sở dĩ có tên cá voi vì nó to lớn

như voi. Cho nên ngư dân Bình Thuận mỗi lần gặp nạn trên biển đều nhớ đến 12 câu nguyện (Thập nhị đại nguyện) để cầu cứu Quan Âm giúp đỡ⁽³⁾.

Tác phẩm đầu tiên trong thư tịch đề cập đến cá voi ở nước ta là *Ô châu cận lục*: "...Khoảng năm Quang Thiệu tiên triều (đời Lê) có loài cá voi theo nước vào, khi nước triều rút, người bờ bể bắt được. Có người dùng xương sống cá làm xà nóc dựng nhà⁽⁴⁾.

Thối thực ký văn của Trương Quốc Dụng viết về loài cá này như sau: "Hải Thu tục gọi là cá ông voi, mình dày không vảy, đuôi giống tôm, kỳ nó rất sắc, mũi ở trên trán, tính có nhân hay cứu người. Người đi thuyền gặp phong ba mà đắm, nó thường đội trên đưa vào gần bờ, vẫy đuôi bỏ lên⁽⁵⁾.

Sách *Đại Nam nhất thống chí* gọi cá voi là Đúc Ngư: Đúc Ngư đầu tròn nơi trán có lỗ nước phun ra, sắc đen trơn láng, không có vảy, đuôi có hai mảng như đuôi tôm, cá tánh từ thiện hay giải cứu cho người khi qua biển mắc cạn. Đầu niên hiệu Minh Mạng vua đặt cho tên là Nhân Ngư, đầu niên hiệu Tự Đức đổi lại tên này (Đúc Ngư). Loại cá này trong Nam hải thì linh, còn ở biển khác thì không linh. Sách *An Nam chí dư lục ký* của Cao Trùng Hưng đời Thanh nói: "Cá này là loại cá rất lớn trong loại cá Hải Thu có tên gọi Hải Tù, nó phun ra hơi rồi nước tản lên không trung gặp gió nước tản đi như mưa". Sách *Cách trí kinh nguyên* của Trần Nguyên Long đời Thanh dẫn sách *Chính tự thông* của Minh tự Liệt đời Minh nói: "Loại cá Bạch

Ngư dài 20 trượng, tánh lương thiện hay cứu giúp cho người, thấy người ra biển làm cá mà bị con cá dữ khốn bức thì nó giải cứu cho". Trong *Bắc sử* nói: "Nước Chân Lạp có loại cá tên là Kiến Đồng có 4 chân, không có vảy, mũi như cái vòi voi, hút nước phun lên cao năm sáu chục thước". Trên đây có nhiều thuyết đều chéo vào để bị khảo. Năm Minh Mạng 17 có chạm hình vào Nhân đình⁽⁶⁾.

Gia Định thành thông chí thì chép: "Những khi thuyền bè gặp sóng gió nguy hiểm, thường thấy thần [cá Ông] diu đỡ mạn thuyền bảo vệ người yên ổn. Hoặc thuyền bị chìm đắm, trong cơn sóng gió thần cũng đưa người vào bờ, sự cứu giúp ấy rất rõ. Chỉ nước Nam từ Linh Giang đến Hà Tiên mới có việc ấy và rất linh nghiệm, còn các biển khác thì không có"⁽⁷⁾.

Một truyền thuyết khác kể về việc Nguyễn Ánh (sau này là vua Gia Long) trong quãng đời bôn tẩu của mình, được cá Ông cứu sống trong một trận thuyền sắp bị đắm, lúc đang bị quân Tây Sơn rượt đuổi trên biển⁽⁸⁾. Dạng truyền thuyết này cũng khá phổ biến ở các tỉnh Nam Bộ như Bà Rịa - Vũng Tàu, TP.Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Bến Tre, Kiên Giang những nơi đã từng lưu dấu chân của Nguyễn Ánh hoặc như truyền thuyết ở Bình Thuận kể rằng, vua Gia Long trong một lần ngự thuyền rồng ở Huế, chẳng may thuyền gặp phong ba, trôi dạt vào đến tận Bình Thuận. Vua được cá Ông cứu thuyền đưa vào bờ, nhưng cá thì kiệt sức mà chết⁽⁹⁾.

Ở miền Bắc, do ảnh hưởng của văn hoá Trung Hoa, chuyên đánh bắt cá voi nên

không có tục thờ này. Trong dân gian hay lưu truyền câu Tại Nam vi thần, tại Bắc vi ngư (ở miền Nam là thần, miền Bắc chỉ là cá) là vì vậy. Những trường hợp như các miếu thờ cá Ông ở Quảng Ninh nêu trên là những trường hợp cá biệt và dấu vết của tục thờ này ở đây cũng không rõ nét lắm.

2. Nghi thức cúng tế

Về thời gian mở lễ hội cá Ông thì không có ngày thống nhất chung, mà mỗi nơi tùy thuộc vào ngày cá Ông đầu tiên lụy hoặc ngày nhận sắc vua phong. Lễ hội này được tiến hành, coi như một hình thức ngày giỗ ông vậy. Có nơi tổ chức hàng năm hay 2, 3 năm một lần⁽¹⁰⁾. Hoặc cũng có nơi khi có điều kiện mới tổ chức.

Thanh Hoá: làng Diêm Phố, xã Ngư Lộc, huyện Hậu Lộc trước tổ chức vào ngày 23/12 âm lịch (ngày cá Ông giạt vào làng), sau đổi là ngày 15/2 âm lịch, từ năm 1945 đổi sang các ngày 22-24/2 âm lịch.

Nghệ An: xã Xuân Hội (tên cũ là Hội Thống), huyện Nghi Xuân tổ chức lễ cầu ngư vào tháng 2 âm lịch, vào thời điểm ngư nhà⁽¹¹⁾.

Quảng Bình: làng Thanh Hà (xã Thanh Trạch, huyện Tuyên Hoá) ngày 16/6 hay 16/7 âm lịch⁽¹²⁾, làng Hà (xã Bảo Ninh, TP. Đồng Hới) 14 - 16/4 âm lịch⁽¹³⁾.

Quảng Nam - Đà Nẵng: Tam Hải (20/1 âm lịch), Thanh Khê (6/1 âm lịch), Mân Thái, Thọ Quang (26/1 âm lịch), Tân Chánh (16/2 âm lịch), An Vĩnh (20/2 âm lịch), An Bàng (15/1 âm lịch), Cẩm Thanh (10/2 âm lịch)⁽¹⁴⁾.

Quảng Ngãi: Bình Thạnh (18/1 và 15/8 âm lịch), Bình Thuận (15/2 và 15/8 âm lịch), Bình Dương (8/1 và 15/7 âm lịch), Nghĩa An (16/1 âm lịch), Phổ Thạnh (3/1 âm lịch).

Bình Định: Nhơn Hải (12/2 âm lịch), Đề Gi (10/4 âm lịch), Tiên Châu (15/12 âm lịch), làng ông ở số 72 Nguyễn Huệ, Quy Nhơn (5/2 âm lịch).

Phú Yên: Túy Phong 7 (16/6 âm lịch), Hoà An (12/5 âm lịch), Mò O (không cố định), Nhà Ngòi (12/1 âm lịch), Ghềnh Đò (6/1 âm lịch), Phú Cầu (khoảng từ 10-20/5 âm lịch), Phước Đồng (khoảng tháng 5 âm lịch)⁽¹⁵⁾...

Khánh Hoà: Trí Nguyên (12/5 âm lịch), Khánh Cam (6/4 âm lịch), Cam Linh (16/7 âm lịch), Bá Hà 1 (16/2 âm lịch), Xương Huân (23/6 âm lịch), Cù Lao (16/6 âm lịch), Trường Tây (16-17/7 âm lịch), Vĩnh Trường (11/2 âm lịch).

Bình Thuận: Thủy Tú (20/6 âm lịch), Bình Thạnh (16/6 âm lịch), Hưng Long (15-17/5 âm lịch), Hiệp Hưng, Bình Hưng (15-17/2 âm lịch), Liên Hương, Tả Tân (15-17/6 âm lịch).

Bà Rịa- Vũng Tàu: Bến Đình (Vũng Tàu, 23/3 âm lịch), Thắng Tam (Vũng Tàu, 16-18/8 âm lịch), Thắng Nhì (Vũng Tàu, 22-24/3 âm lịch), Phước Hải (Long Đất, 16/2 âm lịch), Phước Tĩnh (Long Đất, 16/6 và 16/8 âm lịch), Long Hải (Long Đất, 22-24/6 âm lịch).

Các tỉnh Tây Nam Bộ: Giang Nam đàn (Cần Đức, Long An, 23/4 âm lịch), Tân Phước (Gò Công Đông, Tiền Giang, 11/5 âm lịch), Bình Thắng (Bình Đại, Bến Tre, 16/6 âm lịch), Vĩnh Luông (Vĩnh Long,

16/6 âm lịch), Sông Đốc (Trần Văn Thời, Cà Mau, 15/2 âm lịch⁽¹⁶⁾). Riêng làng Ông Vàm Láng (Gò Công Đông) trước đây tổ chức ngày 15/6 âm lịch, nhưng từ 1984 đổi sang ngày 10/3 âm lịch.

Ở Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế có làng tổ chức lễ hội cúng cá Ông vào đầu xuân, đầu vụ mùa cá Nam (tháng 4, 5 âm lịch)⁽¹⁷⁾. Lễ tế cá Ông kết hợp với lễ cầu ngư, lễ xuống thuyền hàng năm, mang tính chất tạ ơn thần thánh và cầu mong mùa màng bội thu tốt đẹp.

Diễn trình tế lễ thần Nam Hải ở Quảng Nam - Đà Nẵng gồm 5 phần với các lễ: lễ vọng (lễ cáo giỗ hay lễ tiên thường, có ý nghĩa báo cáo về việc cúng giỗ, tế), lễ nghinh Ông Sanh (nghinh ông), lễ tế cô hồn, lễ chánh tế, lễ xây châu bả trạo và hát hội⁽¹⁸⁾.

Các bước trong lễ hội cầu ngư ở Khánh Hoà là: lễ rước sắc, lễ nghinh thủy triều, lễ tế sanh, lễ chánh tế và hát thứ lễ. Tại Khánh Hoà thì giỗ ông thường gắn với xuân tế và thu tế (một số nơi có ngày giỗ ông riêng).

Nghi thức cúng cá voi ở Bình Thuận bao gồm:

Chiều ngày thứ nhất: rước Ông Sanh, ngư dân đưa kiệu ra sông hoặc cửa biển, đọc văn tế, hát chèo bả trạo đưa Ông để rước Ông và các thủy thần về dinh làng vạn an vị.

Sáng sớm ngày thứ hai: làm lễ cúng cáo yết và mổ heo, cắt phần lưng, bụng để nấu các món cúng lễ, phần còn lại để sống đưa lên bàn thờ chính điện để tế. Sau đó làm lễ dâng trầu, dâng rượu, đọc sắc phong,

bài tế, hát múa bả trạo hầu Ông.

Buổi trưa đến chiều tối thường tổ chức cúng lễ khai diên, tổ chức múa hát bả trạo, hát tuồng tại nhà võ ca⁽¹⁹⁾.

Nhìn chung, ngày tháng cúng diễn ra quanh năm, tùy thuộc vào công việc làm ăn, mà định ngày cúng, song hầu hết lễ cúng cầu ngư tập trung vào hai mùa xuân và mùa thu. Mùa xuân rõ nhất là cuối tháng giêng, đầu tháng hai âm lịch. Mùa thu nhằm vào thời điểm kết thúc vụ cá, lúc ngư nhàn. Một số nơi có sự thay đổi ngày cúng, trùng ngày cúng do có cùng truyền thuyết, cá biệt có nơi ngày cúng không cố định.

Lễ tế cá Ông thường kết hợp với lễ cầu ngư, lễ xuống thuyền hàng năm, mang tính chất tạ ơn thần thánh và cầu mong mùa màng bội thu tốt đẹp. Lễ hội được tổ chức từ 1- 4 ngày đêm liền, có nơi kéo dài đến 7 ngày đêm. Lễ cúng cá Ông về cơ bản là lễ cúng đình hàng năm.

Quy mô tổ chức lễ hội tùy thuộc vào tình hình thu nhập của từng địa phương, vì mọi chi phí đều dựa vào sự đóng góp tự nguyện trong vạn ghe. Năm nào biển được mùa, không xảy ra chìm ghe, chết người, hư mất phương tiện đánh bắt thì việc cúng kiến được tổ chức to hơn, các hoạt động vui chơi sôi nổi và phong phú hơn, hát bội kéo dài ngày hơn. Trâu bò, heo gà được giết thịt, ăn uống linh đình trong dịp cúng tế này.

Có điều trở thành quy tắc là vật phẩm dâng cúng thường không dùng hải sản. Vật cúng thường 1 con heo trắng, toàn sắc, toàn sinh (để nguyên con không chặt

xẻ), hai mâm xôi, rượu, trà, hoa, quả.

3. Đối tượng thờ tự

Trong tín ngưỡng thờ cá Ông, Nam Trung Bộ là địa bàn có nhiều sắc phong hơn so với Nam Bộ và được bảo quản ở tình trạng tốt. Cá Ông thường được phong với các thần hiệu như: “ông Hải cự tộc Ngọc lân tôn thân”, “Nam Hải Đại Nam tướng quân”.

Khi lên ngôi, vua Gia Long đã sắc phong cho cá voi tước hiệu Nam Hải cự tộc ngọc lân tôn thân (Ông thân của những loài thủy tộc kỳ lân vĩ đại ở biển Nam Hải). Sang đời Tự Đức gia tặng cho cá voi mỹ tự Từ Tế Linh Chương Trợ Tín Trưng Trạch chi thân (sắc ngày 29 tháng 1 năm Tự Đức thứ 5)⁽²⁰⁾.

Đến triều Duy Tân, cá voi được triều Nguyễn sắc phong đến bậc thượng đẳng thần với những mỹ tự trân trọng: Nam Hải Cự Tộc Ngọc lân gia tặng Từ Tế Linh Chương Trợ Tín Trưng Trạch Phú ứng Hộ Quốc Tỵ Dân Hoàng Hợp thượng đẳng thần⁽²¹⁾.

Đền thờ cá Ông ở làng Diêm Phố, xã Ngư Lộc, huyện Hậu Lộc, Thanh Hoá hiện còn lưu giữ 2 sắc phong đời Đồng Khánh thứ 2 (1887) và Khải Định thứ 9 (1924) ghi công Trưng Kham Dục bảo Trung hưng Nam Hải cự tộc ngọc lân tôn thân⁽²²⁾.

Lăng ông Hưng Lương (xã Nhơn Lý, TP. Quy Nhơn, Bình Định) hiện còn 6 sắc phong của vua Minh Mạng (1826), vua Thiệu Trị (1843, 1844), vua Tự Đức (1850), vua Đồng Khánh (1892) và vua Khải Định (1924)⁽²³⁾. Lăng Ông phường

Trần Phú (TP. Quy Nhơn) có sắc phong năm Thành Thái thứ 9 (1897).

Trong số 20 lăng cá Ông ở Phú Yên thì chỉ có các lăng sau còn sắc phong: lăng Hoà Lợi (xã Xuân Cảnh, huyện Sông Cầu) có 2 sắc phong đời Tự Đức và Đồng Khánh; lăng Tiên Châu (xã An Ninh, huyện Tuy An) có 5 sắc phong vào các đời Minh Mạng (2 sắc), Tự Đức (2 sắc), Đồng Khánh (1 sắc)⁽²⁴⁾.

Đình Trường Tây (Nha Trang, Khánh Hoà) có 9 sắc thần, trong đó có 6 sắc phong cho cá Ông vào các năm: Thiệu Trị thứ 3 (1843), Thiệu Trị thứ 7 (1847), Tự Đức thứ 3 (1850), Tự Đức thứ 33 (1880), Đồng Khánh thứ 2 (1887), Duy Tân thứ 3 (1909). Các lăng ông khác ở Khánh Hoà cũng thuộc loại có nhiều sắc phong: Cù Lao (phường Vĩnh Thọ, TP. Nha Trang, 1 sắc đời Khải Định thứ 5- 1920), Xương Huân (TP. Nha Trang, 5 sắc), Cửa Bé (phường Vĩnh Trường, TP. Nha Trang, 4 sắc), Bá Hà 1 (xã Ninh Thủy, huyện Ninh Hoà, 4 sắc), Lương Hải (xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh, 1 sắc)...

Đình Vạn Thủy Tú (phường Đức Thắng, TP. Phan Thiết, Bình Thuận) có 24 sắc phong, chỉ riêng đời vua Thiệu Trị (1841-1847) đã có đến 10 sắc phong; Vạn Tả Tân (huyện Tuy Phong, Bình Thuận) có 16 sắc, lâu nhất là sắc phong đời Minh Mạng thứ 5 (1824); Vạn Nam Nghĩa có sắc phong đời vua Thành Thái (1900); Vạn Long Hải, Liên Hương có sắc phong đời vua Khải Định; Vạn Bình Thạnh, Phước Lộc (Lagi) có nhiều sắc phong đời các vua Nguyễn bị đốt huỷ lúc tiêu thổ kháng

chiến sau năm 1945⁽²⁵⁾.

Lăng Ông Thắng Tam (TP. Vũng Tàu) có 3 sắc phong cho Nam Hải Cự tộc Ngọc lân thân (cá Ông), trong đó có 2 sắc đời Thiệu Trị thứ 5 (1845) và 1 sắc đời Tự Đức thứ 3 (1850).

Theo các lão ngư ở Cần Thạnh (TP. Hồ Chí Minh), lăng Ông ở đây được phong sắc đời Tự Đức nhưng nay không còn. Đình Lý Nhơn hay còn gọi là đình Nam Tiến (quận 4 - Hồ Chí Minh) có một đạo sắc đời Minh Mạng thứ 5, phong cho Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân chi thân vào tháng 7 năm 1825, hiện còn bảo quản được⁽²⁶⁾.

Theo *Thư mục thần tích thần sắc* thì trong số các tỉnh của Nam Bộ duy nhất tỉnh Bến Tre có 2 sắc phong cho cá Ông: lăng Tân Thủy và lăng Vàm, đều thuộc tổng Bảo Trị, quận Ba Tri⁽²⁷⁾. Nhưng theo khảo sát điền dã của Nguyễn Chí Bên ở các xã ven biển tỉnh Bến Tre thì vẫn chưa phát hiện được sắc phong nào cho cá Ông⁽²⁸⁾.

Trong các lăng ông, thường ở chánh điện có bàn thờ ông Nam Hải, chỉ có một chữ Thần viết bằng chữ Hán hoặc chữ Phước, "Mặt tướng và ngọc cốt trong quách. Bàn thờ không có tượng, ngai. Phía trên bàn thờ là bức đại tự lớn Nam Hải chư thân. Hai gian bên thờ Tả ban liệt vị và Hữu ban liệt vị với đầy đủ các đồ thờ cúng.

Trong số 7 bản văn tế bằng Hán Nôm trên địa bàn thị xã Hội An (Quảng Nam) thấy có cả một tập thể thủy thần, trong đó Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân (cá voi) ở vị trí thứ 8 trong số 60 đối tượng được thỉnh nhắc trong bài văn⁽²⁹⁾.

Các lăng ông ở Khánh Hoà trên chánh điện có bài vị thường ghi Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân Đại tướng quân. Trong các bản văn tế, ngoài vị thần chủ là Nam Hải, còn có cả các đối tượng khác trong hệ thống thần linh biển cũng được thỉnh nhắc đến như: Lý Ngư, Lý Lực, Hà Bá, Ông Sứa, Rái Cá, Ông Nước (cá heo), Bà Tím (rùa biển), Mộc Trụ thần xà (rắn biển), Bà Lạch, Ông Hèo, Cô Hồng (rắn biển). Đặc biệt, do đây là vùng đất chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của sự giao lưu văn hoá Việt-Chăm, nên hầu hết các lăng ông đều có ban thờ Thiên Y Ana với niềm kính tín rất sâu sắc của cộng đồng ngư dân.

Vạn Thủy Tú (TP. Phan Thiết, Bình Thuận) thờ các vị thần là Nam Hải cự tộc Ngọc lân tôn thân, Thủy Long thánh phi nương nương tôn thân và Thái hiệu tiên sư tôn thân. Phía sau chánh điện là nhà Tiền vãng thờ các bậc Tiên hiền, Hậu hiền, những người có công dựng làng, lập vạn. Trên địa bàn huyện đảo Phú Quý (Bình Thuận), bên cạnh các bài văn tế nói đến các vị thần linh như thầy Nại, công chúa Bàn Tranh, bà chúa Ngọc hay thần phò trợ cho nghề nghiệp như bà Tầm, trong dân gian hiện còn lưu giữ khá nhiều văn tế bằng chữ Hán như: *Nam Hải văn*, *Nam Hải bốn vạn kỷ văn*, *Thừa ân Nam Hải văn*, *Cáo cự thân Nam Hải nhập liệt tôn vị văn*⁽³⁰⁾...

Ngoài cá Ông, ngư dân Bình Thuận còn thờ các con vật ở biển vốn gần gũi với cá voi như trong tập thể các thủy thần như: Đệ bát Thánh phi nương nương tôn thân hay là Công chúa Thủy tề (rùa biển, hay gọi là

Bà Lớn, Bà Tám, Cá Bà); Ông Nược (cá heo), loài tương cận với cá Ông qua truyền thuyết Thầy sai mất pho kinh, Ông Sứa (sứa biển), Bà Mộc (Mộc Trụ thần xà, rắn biển, dền), Bà Đổ (giống cá đuối), Bà Lạch (Bà Chàng Lạch, một loài rắn biển độc) đều được chôn cất theo tục lệ cổ truyền ở các lăng dinh khi chết như cá Ông⁽³¹⁾.

Các lăng cá Ông ở Bà Rịa- Vũng Tàu cũng thờ các thủy thần tương tự như ở Bình Thuận, tuy có khác nhau về tên gọi. Lăng ông Thắng Tam (TP. Vũng Tàu) có 3 bàn thờ, ở chánh điện thờ Thần, phía sau là 3 tủ kiếng lớn đựng cốt cá Ông Nam Hải bên tả hữu có bàn thờ Bà Sáu (rùa biển) và Tổ nhạc. Ngư dân thường gọi rùa là bà Thủy Thánh, cũng được chôn cất và thỉnh ngọc cốt vào lăng thờ phụng, vì tục truyền bá đã cứu vớt thuyền ngư dân khi lâm nạn giữa biển khơi. Miếu Bà Long Hải (Long Đất) ngoài việc thờ 5 bà ngũ hành, còn có mộ Bà Lớn (rùa biển) được xây cất dạng hoàng, nằm cạnh khu mộ táng 14 cá Ông lớn nhỏ.

Trong bản văn tế bằng chữ Hán ở lăng ông Cẩn Thạnh (Thạch Phước Lạch) gồm cả một tập thể thủy thần, trong đó Nam Hải cự tộc ngọc lân thủy tướng (cá voi) đứng ở vị trí thứ 5 trong số hơn 30 đối tượng được thỉnh nhắc trong bài văn tế. Và qua các đối tượng phối tự này thấy có sự tích hợp tín ngưỡng Chăm vào trong tục thờ cúng này tại đây: Thiên Y Chúa Ngọc, Thủy Long thần nữ, Bà Chúa Xứ nương nương. Cẩn lưu ý là ở Nam Bộ có hiện tượng nhập Đại Càn Thánh Nương Vương và Nam Hải cự tộc ngọc lân tôn thành thành một vị thần

Biển (hỗn hợp văn hoá Chăm và Việt cổ). Bài vị thường ghi: Đại Càn Quốc Gia Nam Hải Đại Tướng Quân Cự Tộc Ngọc Lân Tôn Thần⁽³²⁾.

Ở lăng ông Thủy tướng Cẩn Thạnh, ngoài bàn thờ Nam Hải đại tướng quân ở chánh điện, còn có các bàn thờ Thủy Tề công chúa, Tiêu Diện đại sĩ, Tiên sư, Hội Đồng, Tam Thập Lục Vị, Tứ Sanh Lục Đạo.

Trong lăng ông Vàm Láng (Gò Công Đông, Tiền Giang), ngoài bàn thờ Thần (ông Nam Hải) còn có các bàn thờ Tả ban, Hữu ban, Tiên sư, Tiên hiền, Ngũ Hành, Lang Lại đại tướng quân (rái cá), Bạch Mã tôn thần (ngựa trắng). Theo truyền thuyết địa phương, rái cá và ngựa trắng đã từng theo giúp Nguyễn Ánh trong những năm tháng bôn ba.

Lăng ông Bình Thắng (Bình Đại, Bến Tre) trong chánh điện thờ ông Nam Hải ở giữa, hai bên là ban thờ Tả đạo và Hữu xạ, mặt sau chánh điện thờ Tiên sư cùng Hậu hiền và Tiên hiền.

Ông Nam Hải cũng được thờ chung trong các đền thờ các nhân vật lịch sử như lăng Long Thuận (TX. Gò Công, Tiền Giang) thờ Võ Tánh, đền thờ Nguyễn Trung Trực (Rạch Giá, Kiên Giang), đền thờ ông Trần (Long Sơn, Vũng Tàu) hoặc mượn cơ sở thờ tự của đền thờ Võ Tánh như trường hợp lăng ông Phước Tỉnh (Long Đất).

4. Đám tang cá Ông

Khi gặp cá Ông lụy hay ly (cách gọi thành kính của ngư dân khi gặp cá voi

chết và cũng kiêng tên tục cá voi), ngư dân thường tổ chức mai táng rất chu đáo. Thông thường cá voi chết do bị cá ép, bị bệnh, già, môi trường ô nhiễm, đôi khi cũng do vô ý vướng vào lưới đánh cá. Trường hợp cá bị sóng lớn đánh dạt vào bờ nhưng chưa chết, ngư dân sẽ tìm mọi cách đưa cá xuống nước, trở ra biển. Vạn trưởng huy động dân làng đưa cá Ông lên bờ hoặc dùng đàng quay lại cho ruồng thối dưới nước nếu cá Ông quá lớn. Xã trưởng trình lên phủ huyện để quan cho lính về khám định tiên tuất, hương đèn, vải đỏ quán đủ 7 vòng cho khâm liệm cấp đất xây lăng và ruộng hương hoả. Việc này đã được triều Nguyễn định lệ hẳn hoi. Năm Tự Đức thứ 28 (1875), ở Thừa Thiên, mỗi con cá voi chết trôi dạt vào được cấp cho một tấm vải điều cùng mười quan tiền để tẩm liệm⁽³³⁾.

Người đầu tiên thấy xác cá Ông được xem là trưởng tang, coi như con ông Nam Hải⁽³⁴⁾. Người đó phải đội dây rơm mũ bạc như để tang cha mẹ mình. Dân làng tổ chức đám tang và xem anh ta như một vị cao niên được trọng vọng trong làng. Nếu người đó là phụ nữ thì bị bãi miễn và trưởng tang phải là một người con trai trong gia đình. Người này ở địa phương nào thì được phép cung nghinh xác Ông về cấp táng ở lăng của địa phương đó và thường xuyên canh gác bên cạnh xác cá voi cho đến khi hoàn tất công việc ma chay.

Trong bài khảo cứu *Tín ngưỡng và ngôn ngữ dân gian vùng thung lũng Nguồn Sơn, tỉnh Quảng Bình* (1901), Cadière mô tả: “Khi chôn cất, cá phải được

phủ liệm trọn vẹn bằng vải hoặc lụa. Người đầu tiên thấy cá được mang tước là trưởng nam và thi hành phận sự ấy. Trưởng nam của cá voi cũng thi hành phận sự y như một trưởng nam trong gia đình với người quá cố. Ông ta bận áo chế đại tang, đội mũ rơm, áo rộng, xổ lai, gấu áo bẻ ra ngoài, một tấm vải nhỏ kết đàng sau, nghĩa là anh ta được xem như là người thân thuộc gần nhất của bậc linh thiêng vừa tạ thế. Chính anh ta là người sẽ cử hành mọi tang lễ và nhận nhiều ân lành nhất của cá voi⁽³⁵⁾.

Trong khi thọ tang, cử hành theo nghi lễ cổ truyền, hoàn toàn dựa vào *Thọ Mai gia lễ* nhưng rút ngắn hơn so với lễ tang người. Ngày đầu gồm: lập tang chủ, lập hội đồng hộ lễ, tẩm gội, phạm hàm, nhập quan, thiết linh sàng, minh tinh, thành phục, chiêu tịch diện. Ngày thứ hai là ngày quan trọng, ban ngày tế lễ, ban đêm hát bội. Ngày thứ ba dành cho đưa đám, cúng hậu thổ nghi tiết, hát bả trạo đưa linh Ông. Hạ huyết xong làm một cuộc đua ghe ngang (ghe thường) cho có lệ để Ông chứng giám lòng thành và các âm hồn vui hưởng không về quấy phá. Sau 3 ngày thì cúng mở cửa mả. Tiếp theo làm tuần 7 ngày, 21 ngày, 49 ngày (chung thất), 100 ngày (tốt khóc). Trước đại tang 10 ngày làm lễ dàm tế (bỏ trang phục), có đọc văn tế. Lễ tế cá Ông hàng năm tổ chức vào ngày thứ hai kể từ khi mai táng cá Ông hoặc vào dịp cầu ngư⁽³⁶⁾.

Tuỳ theo ông lớn hay ông cậu, việc chôn cất cá voi có khác nhau. Theo ngư dân thì cá voi lớn gọi là cá Ông, nhỏ hơn thì gọi là

cá Cô và cá Cậu. Ngoài ra, tùy theo địa phương và đặc điểm hình dáng, địa bàn hoạt động mà cá voi có nhiều tên gọi khác nhau: ông Khôi, ông Lộng, ông Chuông, ông Kim, ông Xưa, ông Đụng, ông Hoa, ông Ngư, ông Thông, ông Máng, ông Thoi, ông Mun, ông Đãng, ông Hồ... Theo Léopol Cadière thì: "Trong tự điển⁽³⁷⁾ hầu như không có từ cá voi, người ta thường gọi là cá Ông, con cái thì gọi là bà Ngư⁽³⁸⁾."

Khi chôn cất ông Lớn người ta xây bọc ván xung quanh, phía trên đổ cát trắng, nơi nào có điều kiện thì xây mộ tập thể bằng xi măng. Với ông Cậu thì an táng nơi mộ phần.

Trong lễ chôn cất cá Ông, có một điều giống nhau giữa các địa phương là người đầu tiên thấy cá Ông lụy, trong đám tang phải ăn mặc như trưởng nam. Cụ thể là nón rơm sỏ tưa, áo quần màu trắng, ống rộng, không vắt sổ, đường may lộn trái và một mảnh nhỏ gắn sau lưng; và đi giật lùi trước linh cữu trong đám tang. Ở Khánh Hoà, tang phục thường may bằng vải đỏ. Toàn thể ngư phủ trong làng có bổn phận tập trung đông đủ để cử hành lễ mai táng cho trọng thể. Trước đây thời gian hành lễ có thể từ 3 đến 10 ngày tùy theo khu vực. Ngày nay lễ diễn ra trong 3 ngày 3 đêm, chi phí rất tốn kém.

Tang phục thay đổi tùy nơi, nhưng đều phải bịt khăn điều màu đỏ. Cũng theo ngư dân, trong thời gian chịu tang này, người trưởng nam luôn mạnh khỏe, nhưng về đường tài lợi chỉ ở mức trung bình. Mãn tang, người này sẽ làm ăn thịnh vượng và gặp nhiều may mắn.

Đúng 3 năm, thịt cá voi rửa hết, tiến hành lễ quật mộ, hài cốt đem vào lăng thờ, gọi là thượng ngọc cốt. Ngọc cốt được rửa bằng rượu trắng và phơi khô, do một ngư dân cao tuổi phụ trách và được cho vào các thùng, quách, khạp, niêm phong cẩn thận, đưa vào lăng thờ. Theo ngư dân, khi không trúng mùa cá, họ đến đây làm lễ rước ngọc cốt, đổ rượu trắng vào ngọc cốt, hứng lấy và đem rưới vào dàn lưới, cầu mong cho đánh bắt được nhiều cá tôm. Lăng Thủy Tú chứa hơn 100 bộ xương cá voi, trong đó có hàng chục bộ xương gần 200 năm tuổi. Lăng An Thạnh (xã Tam Thanh, huyện Phú Quý, Bình Thuận) hiện còn giữ trên 70 bộ xương cá voi, trong đó có bộ dài đến 25m (từ năm 1960) với trọng lượng cá voi trên 40 tấn, bộ xưa nhất là năm 1841⁽³⁹⁾.

Ngoài việc chôn cất, người được coi là con ông Nam Hải phải chịu tang trong 3 năm. Các lăng Ông ở Hội An (Quảng Nam), người trưởng nam chỉ để tang trong vòng 100 ngày, ngư dân giải thích rằng để phù hợp với con số 100 mảnh áo của Phật bà Quan Âm khi xé ra để biến thành những cá Ông. Đây là cách cất nghĩa mang màu sắc Phật giáo phủ lên tín ngưỡng sơ khai nguyên thủy là tục thờ cá có từ lâu đời của những cư dân biển như một sự bổ sung cho phong phú, phức tạp thêm⁽⁴⁰⁾.

5. Vài nhận xét

- Nằm trong dòng chảy của tục thờ thần biển nước ta, tục thờ cá Ông của cư dân ven biển có những nét độc đáo riêng. Từ việc tiếp thu tín ngưỡng của dân tộc

Chăm, tục thờ cá Ông của người Việt ngày nay đã Việt hoá hoàn toàn thể hiện qua đối tượng thờ tự, nghi lễ, diễn xướng, kiến trúc, bài trí Tín ngưỡng dân gian này ban đầu chịu ảnh hưởng của Nho giáo (có sự góp sức của vương triều Nguyễn), về sau lại được phủ lên màu sắc của Phật giáo, nhưng yếu tố truyền thống vẫn là chủ đạo (thờ vật thiêng). Điều đó tạo ra sự phong phú trong đời sống tinh thần của một bộ phận cư dân miền biển, giúp ích cho việc nghiên cứu quá trình tiếp biến văn hoá giữa tín ngưỡng và tôn giáo, giữa văn hoá Việt-Chăm. Dù có những nét dị biệt giữa các vùng miền nhưng nhìn chung, tập tục này vẫn thống nhất trong cái cốt lõi của nó.

- Nó góp phần bảo lưu các giá trị văn hoá truyền thống: nét đẹp của phong tục, các loại hình diễn xướng dân gian, nghệ thuật sân khấu, kiến trúc dân gian, tinh thần cố kết cộng đồng biểu hiện rõ nét trong các vạm chài, có ý nghĩa trong việc xây dựng đời sống văn hoá cơ sở qua điều lệ vạm - một dạng luật tục miền biển.

- Thoả mãn nhu cầu tâm linh của phần lớn của cộng đồng cư dân ven biển, tuy phải cần gạt bỏ đi những yếu tố mê tín, lạc hậu. Tập tục này còn mang đậm giá trị nhân văn, thể hiện thế ứng xử văn hoá của ngư dân trước biển cả thông qua việc bảo tồn một loài sinh vật quý của hành tinh - một thông điệp xanh trong việc giữ gìn sự đa dạng sinh học.

- Tục thờ cá Ông là loại hình sinh hoạt văn hoá dân gian độc đáo của cư dân ven biển nước ta, cần được bảo tồn, nghiên cứu

và có một thái độ ứng xử phù hợp. Có thể nghiên cứu, định hướng cho lễ hội này thành ngày hội văn hoá dân gian miền biển như một số địa phương bước đầu tổ chức thành công./.

CHÚ THÍCH

1. Leopold Cadière, *Croyances et diction populaires de la vallée du Nguon-Son*, BEFEO, Tome I^{er}, N^o3, 1901, p.183-184 dẫn theo Đỗ Trình Huệ, *Văn hóa tín ngưỡng gia đình Việt Nam qua nhãn quan học giả L.Cadière*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2000, tr 298.
2. Làng Mỹ Lam, xã Phú Mỹ, huyện Phú Vang, Thừa Thiên Huế (theo Trần Hoàng, *Tục thờ cá voi ở các làng biển từ đèo Ngang đến đèo Hải Vân*, Tạp chí Văn hoá dân gian, số 3, 1999, tr.39).
3. Lê Hữu Lễ, *Tín ngưỡng và cổ tục tôn thờ thần linh biển cả tại Bình Thuận*, Văn hoá tập san, số 3, 1970, tr.86-87.
4. Vô Danh Thị, *Ô châu cận lục*, Dương Văn An nhuận sắc tập thành, Văn hoá Á châu Nxb, Sài Gòn, 1961, tr.9.
5. Trương Quốc Dụng, *Thối thực ký văn*, Nguyễn Lợi, Nguyễn Đồng Chi dịch và chú thích, Nxb Tân Việt, 1944, tr.224-225.
6. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí* (Thừa Thiên phủ, tập hạ), Tu Trai Nguyễn Tạo dịch, Nha Văn hoá - Bộ Quốc gia Giáo dục Nxb, Sài Gòn, 1962, tr.111-112.
7. Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, Lý Việt Dũng dịch và chú giải, Nxb Tổng hợp Đồng Nai, 2005, tr.237.
8. Rất giống truyền thuyết phổ biến ở Vàm Láng (xã Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, Tiền Giang).
9. Trần Thương, *Những điều kỳ thú về cá voi ở Bình Thuận*, Tạp chí Du lịch Việt Nam, tr.36.

10. Hoàng Minh Tường, *Lễ hội cầu ngư của những người dân biển Ngư Lộc*. Trong Thông báo văn hoá dân gian 2005, Nxb Khoa học xã hội, 2006, tr.423.
11. Lê Trung Vũ, *Lễ cầu ngư của làng ven biển*, Tạp chí Văn hoá dân gian, số 1, 1990, tr.44.
12. Nguyễn Tú, *Địa chí xã Thanh Trạch*, Nxb Thuận Hoá, 1995, tr.52.
13. Tôn Thất Bình, *Hội làng Hà*. Trong *Kho tàng lễ hội cổ truyền Việt Nam*, Nhiều tác giả, Nxb Văn hoá dân tộc - Tạp chí Văn hoá nghệ thuật, 2000, tr.1374.
14. Nguyễn Xuân Hương, *Tục thờ cúng cá Ông của ngư dân vùng biển Quảng Nam- Đà Nẵng*, Luận văn thạc sĩ khoa học văn hóa, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, 1997, tr.46.
15. Phan Đình Phùng, Nguyễn Danh Hạnh, *Giới thiệu một số di tích thờ cá Ông ven biển Phú Yên*, Tạp chí Nguồn sáng dân gian, số 3, 2006, tr.57.
16. Tháng 2-3 trời yên biển lặng và là thời điểm thu hoạch hải sản lớn nhất trong năm.
17. Trần Hoàng, Bđd, tr.39.
18. Nguyễn Xuân Hương, Tlđd, tr.37-38.
19. Nguyễn Duy Thiệu, *Cộng đồng ngư dân ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, 2002, tr.342-243.
20. Huỳnh Ngọc Trảng, Trương Ngọc Tường, *Đình Nam Bộ xưa và nay*, Nxb Đồng Nai, 1999, tr.129.
21. Trần Đại Vinh, *Tín ngưỡng dân gian Huế*, Nxb Thuận Hóa, 1995, tr.91.
22. Hoàng Minh Tường, Sđd, tr.421.
23. Ngọc Minh, *Di tích văn hoá Quy Nhơn*, tạp chí *Xưa và Nay*, số 48B, tháng 2-1998, tr.34.
24. Phan Đình Phùng, Nguyễn Danh Hạnh, Bđd, tr.47-57.
25. *Một số vấn đề cấp bách về văn hoá - xã hội cư dân vùng biển Bình Thuận 1991-1993*, Sở Khoa học công nghệ và môi trường Bình Thuận, 1994, tr.43-44.
26. Huỳnh Ngọc Trảng, Trương Ngọc Tường, Hồ Tường, *Đình Nam Bộ tín ngưỡng và nghi lễ*, Nxb Thành Hồ Chí Minh, 1993, tr.269-270.
27. Trương Thị Thọ, Nguyễn Văn Hội chủ biên, Viện Thông tin Khoa học xã hội, 1997, tr.149.
28. Nguyễn Chí Bên, *Tìm hiểu một số hiện tượng văn hoá dân gian Bến Tre*, Nxb Khoa học xã hội, 1997, tr.76.
29. Nguyễn Đức Minh, Trần Văn Nhân, *Một số lễ hội nước ở Hội An*. Trong *Đô thị cổ Hội An*, Nxb Khoa học xã hội, 1991, tr.147.
30. Võ Thị Tân, *Sưu tầm tư liệu Hán Nôm trên đảo Phú Quý*. Trong *Những thành tựu nghiên cứu khoa học*, Nguyễn Thế Nghĩa chủ biên, Nxb Khoa học xã hội, 2000, tr.860.
31. Lê Hữu Lễ, Bđd, tr.85-103.
32. Huỳnh Ngọc Trảng, Trương Ngọc Tường, Sđd, tr.69.
33. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 38, Nxb Khoa học xã hội, 1978, tr.178.
34. Năm 1956, nhà văn Cung Giũ Nguyên có viết cuốn tiểu thuyết bằng tiếng Pháp *Le Fils de la Baleine* in ở Paris, sau này được Der Sohn das Walfischs dịch ra tiếng Việt với nhan đề *Người con của cá Ông hãy kể thừa tự ông Nam Hải* (Nxb Văn học, 1999).
35. Đỗ Trình Huệ, *Văn hóa tín ngưỡng gia đình Việt Nam qua nhân quan học giả L.Cadière*, Nxb Thuận Hóa, 2000, tr.298.
36. Nguyễn Đức Minh, Trần Văn Nhân, *Một số lễ hội nước ở Hội An*. Trong *Đô thị cổ Hội An*, Sđd, tr.147.
37. Sách điển tích về thờ cúng.
38. Đỗ Trình Huệ, Sđd, tr.298.
39. Tuyết Linh, *Danh thắng ở huyện đảo Phú Quý*, tạp chí Dân tộc & thời đại, số 26, 1996.
40. Nguyễn Đức Minh, *Lễ hội ở Hội An*. Trong *Kho tàng lễ hội cổ truyền Việt Nam*, Sđd, tr.1385-1386.